

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục tăng giá trước dự báo tích cực của Ngân hàng Nhà nước về tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2021

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL F2011 tăng giá trong phiên hôm nay nhờ kì vọng tích cực vào kết quả kinh doanh quý 3 tiếp tục được duy trì

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VIC, MBB

[Quan điểm đầu tư]

Rủi ro giảm điểm đang có phần lấn át dư địa tăng, NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, tạm thời đóng hết các vị thế ngắn hạn.

16/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	943.30	+0.06
VN30	901.59	+0.27
HĐTL VN30F1M	895.10	-0.46
HNXIndex	139.82	+0.11
HNX30	260.48	+0.27
UPCoM	63.85	+0.58
USD/VND	23,177	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.55	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+4
Dầu (WTI, \$)	40.52	-1.07
Vàng (LME, \$)	1,907.69	-0.05



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 943.30 (+0.06%)
KLGD (triệu CP) 395.6 (-5.8%)
GTGD (triệu US\$) 400.2 (-1.4%)

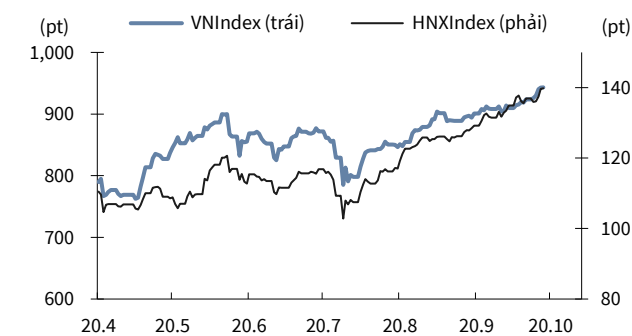
HNXIndex 139.82 (+0.11%)
KLGD (triệu CP) 45.1 (-29.3%)
GTGD (triệu US\$) 26.6 (-36.8%)

UPCoM 63.85 (+0.58%)
KLGD (triệu CP) 35.3 (-41.9%)
GTGD (triệu US\$) 19.0 (-35.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -18.5

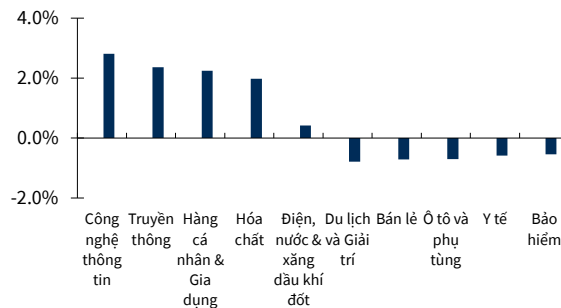
TTCK Việt Nam tiếp tục tăng giá trước dự báo tích cực của Ngân hàng Nhà nước về tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2021, lên đến 7.5% ở kịch bản tích cực. Phản ứng trước thông tin trên, cổ phiếu ngân hàng tăng giá trên diện rộng ở CTG (+3.7%), MBB (+1.4%). Thông tin từ Hiệp hội Thép Việt Nam cho biết xuất khẩu thép trong tháng 9 tăng trưởng 36% so với cùng kỳ giúp cổ phiếu các doanh nghiệp ngành thép tăng giá như HPG (+0.2%), SMC (+6.8%). Kỳ vọng KQKD tích cực tiếp tục giúp cổ phiếu ngành chứng khoán giao dịch tích cực hơn thị trường chung ở HCM (+0.4%), VND (+0.3%). Trong khi đó, kết quả kinh doanh thu lỗ lớn khiến cổ phiếu HVN (-0.8%) điều chỉnh, kéo theo diễn biến giảm ở VJC (-0.9%). Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng ở MSN (-1.4%), CTG (+3.7%), VPB (+2.3%).

VNIndex & HNXIndex



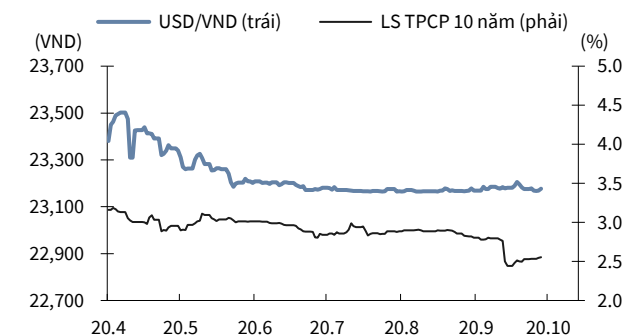
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



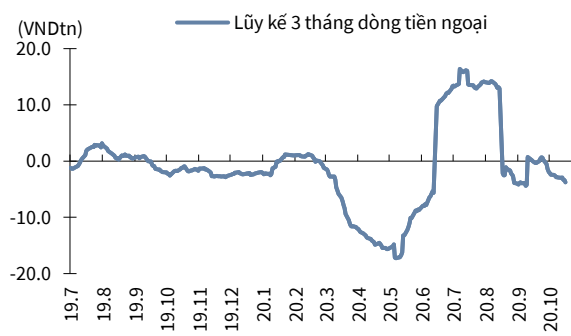
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

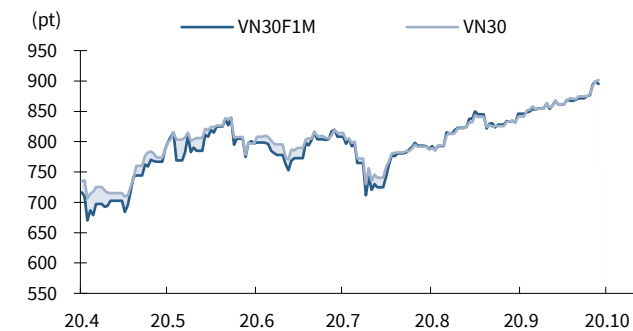
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	901.59 (+0.27%)
VN30F1M	895.1 (-0.46%)
Mở cửa	893.0
Cao nhất	898.0
Thấp nhất	888.6

HĐTL F2011 tăng giá trong phiên hôm nay nhờ kì vọng tích cực vào kết quả kinh doanh quý 3 tiếp tục được duy trì. Chênh lệch F2011 và VN30 mở cửa ở -6.3 và giao động trong khoảng -10.8 và -6.1 trước khi đóng cửa ở mức -6.49. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tăng trở lại.

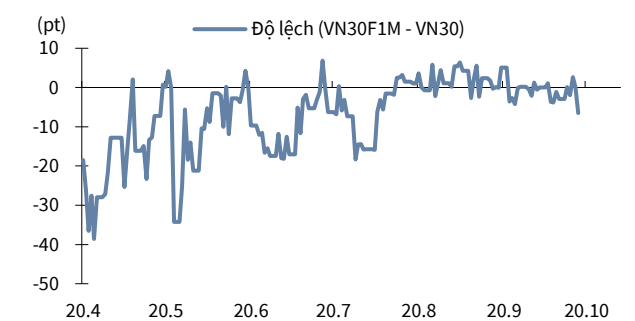
KLGD (HĐ)	138,045 (+15.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



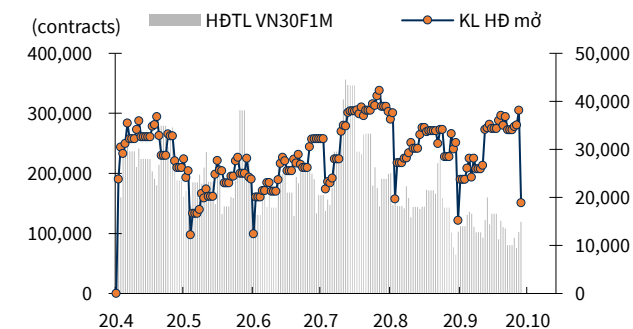
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



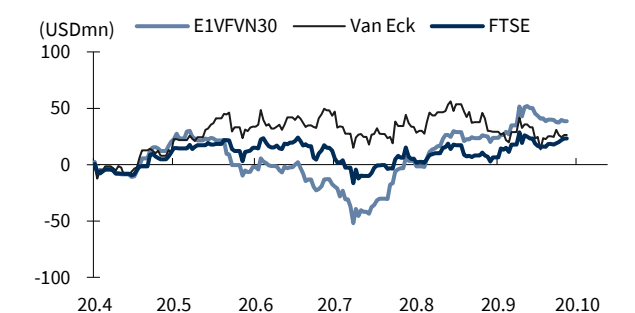
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

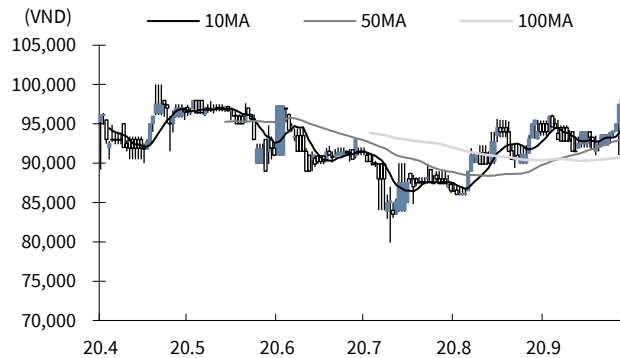
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

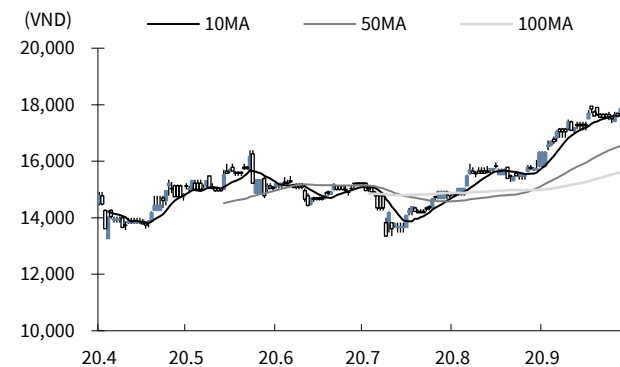
Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC tăng 0.1% lên 97,600 VNĐ/cp.
- Công ty con của VIC, Việt Nam Grand Prix (VGPC), mới đây chính thức thông báo hủy chặng đua xe công thức 1 tại Việt Nam năm 2020 sau nhiều thảo luận với Liên đoàn Ô tô quốc tế (FIA) và Tập đoàn Formula 1.

MBBank (MBB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB tăng 1.4% lên 17,850 VNĐ/cp.
- MBB công bố báo cáo tài chính quý 3 với lợi nhuận sau thuế 2,423 tỷ (+10% YoY). Cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 5,164.7 tỷ (+13% YoY). Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 795 tỷ (+59% YoY). Lãi thuần từ hoạt động ngoại hối và mua bán kinh doanh chứng khoán giảm nhẹ lần lượt xuống 178 tỷ và 156 tỷ. Lãi từ hoạt động kinh doanh khác đạt 425 tỷ (-53% YoY).
- Cũng theo báo cáo, tổng tài sản MBB đạt 427,175 tỷ (+4% Ytd), tỷ lệ nợ xấu ở mức 1.5%.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

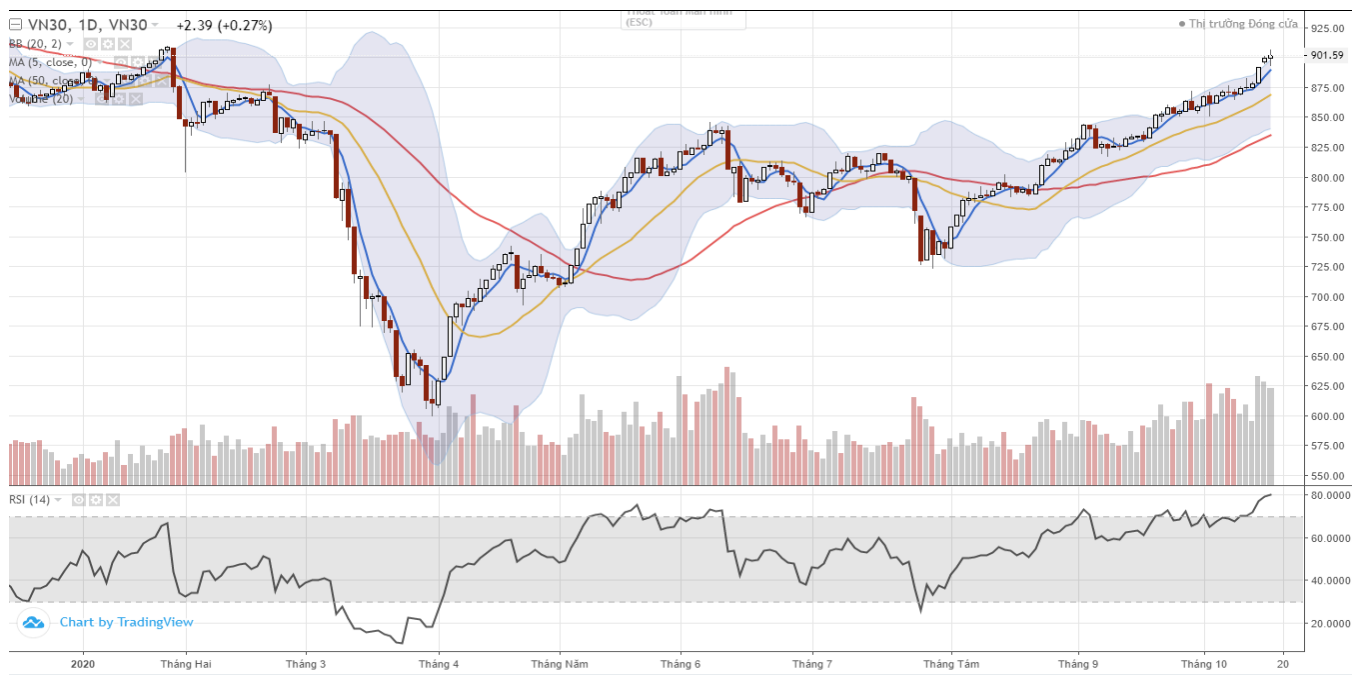
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co hình thành mẫu nến spinning.
- Mẫu nến này tiếp tục gợi mở khả năng đảo chiều. Tuy nhiên, tương tự như mẫu nến hôm qua, thị trường cần thêm một phiên giảm điểm kế tiếp xác nhận để gia tăng độ tin cậy cho mẫu hình. Trong kịch bản tiếp tục tăng điểm, đích kỳ vọng kế tiếp của VNIndex được đẩy lên quanh 960.
- Rủi ro giảm điểm đang có phần lấn át dư địa tăng, NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, tạm thời đóng hết các vị thế ngắn hạn.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 diễn biến giằng co, hình thành mẫu nến spinning trong phiên hôm nay.
- Chúng tôi vẫn thận trọng với rủi ro đảo chiều của chỉ số nhưng cần thêm một phiên giảm điểm kế tiếp xác nhận. Nếu chỉ số tiếp tục tăng điểm trong phiên tới, vùng kháng cự kì vọng sẽ được đẩy lên quanh 920.
- NĐT được khuyến nghị khuyến nghị giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên nhưng ưu tiên mở vị thế SHORT từng phần khi chỉ số tiếp cận vùng đích kỳ vọng.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

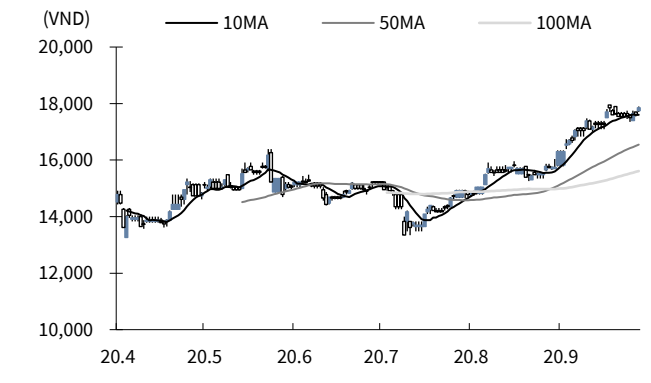
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.27%	1.14%
Tăng lũy kế (YTD)	2.56%	1.57%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	108,400	-0.9%	-6.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,550	0.2%	8.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	68,100	4.8%	-11.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,850	1.4%	4.1%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,600	-0.5%	22.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	53,200	3.9%	58.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	31,150	3.7%	27.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,000	-0.9%	-18.7%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	29,100	0.2%	48.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,600	-0.3%	6.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	-0.5%	23.6%	33.2
VIC	0.1%	13.8%	30.8
GVR	3.0%	0.6%	28.9
VNM	-0.1%	58.0%	24.7
DCM	4.6%	2.7%	21.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-1.4%	38.0%	-255.5
CTG	3.7%	29.7%	-75.8
VPB	2.3%	23.5%	-27.4
E1VFN30	0.2%	98.1%	-25.9
CII	0.0%	33.7%	-25.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.7%	9.9%	7.9
NTP	1.2%	18.9%	1.1
IDV	-0.4%	15.7%	0.7
SHS	0.0%	5.7%	0.5
DNM	4.2%	4.2%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SLS	1.2%	2.2%	-1.7
VCS	0.8%	2.9%	-0.3
VTC	-10.0%	12.2%	-0.2
DTD	-9.7%	0.7%	-0.1
TKU	-8.4%	8.2%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	6.9%	BVH, BIC
Ngân hàng	5.0%	CTG, VCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.5%	PNJ, STK
Công nghệ thông tin	3.1%	FPT, ITD
Thực phẩm và đồ uống	2.1%	MSN, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-4.0%	PNC, YEG
Ô tô và phụ tùng	-2.1%	SVC, CSM
Xây dựng và Vật Liệu	-1.8%	CTD, BMP
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.7%	GEX, APH
Y tế	-1.5%	TRA, DMC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	11.8%	HPG, TTF
Bán lẻ	11.7%	MWG, PET
Dịch vụ tài chính	11.7%	VCI, SSI
Bảo hiểm	9.5%	BVH, BMI
Hàng cá nhân & Gia dụng	8.5%	PNJ, MSH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-7.0%	PNC, YEG
Du lịch và Giải trí	-2.0%	HVN, VJC
Xây dựng và Vật Liệu	-2.0%	CTD, TTA
Y tế	-1.3%	DHG, IMP
Dầu khí	-0.6%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,600	330,125 (14,244)	41,798 (1.8)	22.9	53.3	39.1	21.9	6.6	8.7	3.8	3.4	0.1	4.3	2.2	-15.1
	VHM	VINHOMES JSC	77,000	253,293 (10,929)	138,516 (6.0)	27.0	9.4	8.2	35.0	38.5	30.8	2.9	2.2	-0.6	0.0	-0.3	-9.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,500	62,489 (2,696)	75,823 (3.3)	18.4	24.6	18.2	2.8	9.1	11.7	2.2	2.0	-0.4	-0.5	-4.8	-19.1
	NVL	NO VA LAND INVES	62,300	61,401 (2,649)	85,515 (3.7)	32.6	16.6	17.2	1.9	14.1	11.9	2.4	-	-0.2	-0.5	-2.4	4.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,750	13,272 (573)	13,634 (0.6)	7.5	12.2	10.1	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	-0.8	-2.1	-2.7	-7.3
	DXG	DAT XANH GROUP	11,900	6,168 (266)	56,156 (2.4)	14.7	11.9	5.8	-39.2	5.5	14.0	0.8	0.6	6.7	6.3	16.7	-17.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	88,200	327,123 (14,114)	89,228 (3.8)	6.4	20.0	17.2	10.3	19.7	18.8	3.3	2.8	-0.5	4.0	6.4	-2.2
	BID	BANK FOR INVESTM	42,200	169,729 (7,323)	76,647 (3.3)	12.6	29.9	19.4	-5.3	9.2	11.9	2.1	1.9	-0.1	4.6	4.1	-8.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,650	79,278 (3,421)	219,686 (9.5)	0.0	7.8	6.6	3.9	15.6	15.5	1.1	0.9	-0.9	6.1	5.8	-3.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	31,150	115,984 (5,004)	206,075 (8.9)	0.3	16.8	13.7	18.7	10.2	11.4	1.5	1.3	3.7	12.7	23.6	49.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	24,600	59,969 (2,587)	139,255 (6.0)	0.0	7.3	6.7	5.5	17.8	16.0	1.2	1.0	2.3	5.1	7.0	23.0
	MBB	MILITARY COMMERC	17,850	49,501 (2,136)	136,442 (5.9)	0.0	6.9	5.8	7.0	18.0	17.6	1.1	0.9	1.4	1.7	13.4	-1.3
	HDB	HDBANK	24,800	31,141 (1,344)	39,600 (1.7)	1.3	7.7	6.8	20.1	20.2	20.1	1.3	1.2	0.8	1.2	8.0	17.0
	STB	SACOMBANK	13,750	24,800 (1,070)	260,133 (11.2)	14.5	13.0	10.0	16.4	7.9	9.2	0.9	0.8	-0.7	1.5	19.0	36.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,950	20,374 (879)	58,955 (2.5)	0.0	6.8	5.5	29.4	22.4	20.3	1.2	1.0	0.6	0.2	8.7	18.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,350	21,331 (920)	6,296 (0.3)	0.1	37.3	35.8	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	-1.4	1.2	2.4	-2.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	53,900	40,011 (1,726)	50,295 (2.2)	20.6	32.7	27.7	2.6	6.3	7.7	2.0	2.0	-0.2	8.2	11.9	-21.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	27,500	2,512 (108)	12,114 (0.5)	14.6	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	-3.5	-5.0	11.3	10.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,150	10,907 (471)	100,310 (4.3)	49.7	12.5	10.1	-16.8	9.0	10.6	1.1	1.0	0.0	0.8	14.2	16.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	40,300	6,674 (288)	30,377 (1.3)	72.3	-	-	-	-	-	-	-	2.9	18.5	40.7	36.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,450	6,848 (295)	61,805 (2.7)	51.0	-	-	-	-	-	-	-	0.4	-0.4	10.9	5.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,900	3,315 (143)	24,538 (1.1)	16.6	14.3	9.0	-19.1	7.4	11.2	1.0	0.9	0.3	-0.3	25.7	10.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,400	224,429 (9,683)	188,881 (8.1)	42.0	21.6	20.1	6.6	37.9	38.6	7.6	6.8	-0.1	0.7	3.8	10.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	188,500	120,882 (5,216)	18,388 (0.8)	36.9	29.1	24.9	0.6	21.6	23.8	5.9	5.3	-0.8	-2.3	0.2	-17.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	80,000	93,975 (4,055)	184,920 (8.0)	11.0	106.7	41.7	-57.2	2.3	6.8	2.6	2.7	-1.4	17.5	45.7	41.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,900	13,192 (569)	22,909 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-1.7	-1.7	-14.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	105,000	55,003 (2,373)	41,388 (1.8)	12.5	-	15.9	-	8.9	21.4	3.4	3.2	-0.9	0.6	-1.8	-28.2
	GMD	GEMADEPT CORP	23,550	6,993 (302)	13,827 (0.6)	0.0	17.7	15.5	-54.0	6.8	7.5	1.2	1.1	-0.4	-2.7	0.6	1.1
	CII	HO CHI MINH CITY	18,350	4,383 (189)	39,823 (1.7)	36.3	9.2	8.6	142.2	9.6	9.4	0.8	0.8	0.0	-3.4	-0.5	-18.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,210	1,254 (054)	18,798 (0.8)	47.0	-	-	-	-	-	-	-	-2.2	-3.5	0.9	-87.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,850	10,269 (443)	143,221 (6.2)	35.4	26.8	11.5	-20.9	10.5	13.6	-	-	-2.0	-4.2	12.6	12.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,400	4,150 (179)	85,842 (3.7)	2.4	6.7	7.1	-33.3	7.5	7.0	0.5	0.5	-6.2	11.4	25.4	6.0
	REE	REE	41,600	12,898 (557)	18,258 (0.8)	0.0	8.5	7.5	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	-0.5	-1.0	6.7	14.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,400	144,312 (6,227)	60,049 (2.6)	45.9	19.2	15.0	-17.2	15.8	18.4	2.8	2.6	0.5	1.5	4.7	-19.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,050	6,636 (286)	4,147 (0.2)	29.8	10.0	10.1	-5.4	16.4	16.5	1.6	1.6	-0.2	-2.3	-3.2	6.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,450	7,518 (324)	5,022 (0.2)	33.2	8.6	7.9	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.2	0.2	-2.3	-3.3	-12.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	29,100	96,417 (4,160)	411,386 (17.7)	14.9	9.7	8.1	7.1	18.8	19.8	1.7	1.4	0.2	2.1	17.8	48.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,000	6,653 (287)	53,252 (2.3)	36.9	10.7	11.4	1.4	8.9	8.0	0.8	0.8	-0.6	-2.3	0.6	31.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,550	6,644 (287)	43,538 (1.9)	46.3	-	-	-	-	-	-	-	4.6	3.7	24.3	93.1
	HSG	HOA SEN GROUP	15,050	6,687 (289)	208,909 (9.0)	39.5	8.0	8.1	45.8	14.4	12.5	1.0	0.9	-0.3	-4.1	9.1	102.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,300	2,598 (112)	26,372 (1.1)	97.7	5.8	6.6	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	0.8	0.4	0.8	-3.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	49,950	60,880 (2,627)	14,645 (0.6)	3.9	48.5	17.8	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	0.3	0.4	-1.7	-10.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,550	4,864 (210)	83,770 (3.6)	39.1	50.9	27.3	-20.4	0.8	0.7	0.4	0.3	0.0	-4.5	1.8	-23.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,500	3,799 (164)	36,630 (1.6)	29.2	8.9	7.7	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	0.7	-3.2	7.6	-19.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	108,400	49,070 (2,117)	97,494 (4.2)	0.0	13.4	10.3	9.9	26.5	27.3	3.2	2.6	-0.9	-0.6	14.6	-4.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	68,100	15,331 (661)	50,928 (2.2)	0.0	17.4	14.8	-1.8	20.0	22.0	3.0	2.8	4.8	7.8	12.2	-20.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	45,700	1,348 (058)	768 (0.0)	69.3	19.2	14.0	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	2.1	-4.0	-7.7	23.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,600	1,864 (080)	16,302 (0.7)	13.0	15.8	10.7	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	1.3	-3.5	-6.0	12.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	55,300	7,493 (323)	54,064 (2.3)	36.4	7.6	7.3	24.7	35.8	30.2	2.5	2.2	1.5	-4.3	-5.6	44.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	104,000	13,598 (587)	751 (0.0)	45.2	20.4	18.8	8.0	20.3	19.8	3.8	3.6	-0.4	-0.8	-0.4	13.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,000	5,176 (223)	354 (0.0)	37.9	14.7	-	7.3	16.4	-	2.4	-	0.0	-1.6	-1.6	27.1
IT	FPT	FPT CORP	53,200	41,704 (1,799)	95,473 (4.1)	0.0	12.0	10.3	19.9	23.4	24.5	2.5	2.3	3.9	4.7	5.3	4.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglgt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.